

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.294.577.534	14.955.474.755
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	92.148.361	5.949.754
111	1. Tiền		92.148.361	5.949.754
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.202.429.173	14.904.066.863
121	1. Đầu tư ngắn hạn		50.202.429.173	15.530.617.040
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(626.550.177)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	45.458.138
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	45.458.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	35.944.986
240	IV. Tài sản dài hạn khác		-	35.944.986
248	2. Tài sản dài hạn khác		-	35.944.986
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.294.577.534	14.991.419.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.423.967.606	9.958.848.202
310	1. Nợ ngắn hạn		32.423.967.606	9.958.848.202
311	1. Vay ngắn hạn	5	31.902.794.415	9.731.035.838
312	2. Phải trả người bán		24.029.276	2.029.276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		367.860.827	-
315	5. Phải trả người lao động		82.500.000	-
318	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	6	46.783.088	225.783.088
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.870.609.928	5.032.571.539
410	1. Vốn chủ sở hữu	7	17.870.609.928	5.032.571.539
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	8.200.000.000
417	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.870.609.928	(3.167.428.461)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>50.294.577.534</u>	<u>14.991.419.741</u>

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/09/2016	đến 30/09/2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	8	7.851.361.635	2.703.470.053
22	7. Chi phí tài chính	9	2.848.256.538	684.008.106
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.000.097.953	512.383.358
24	8. Chi phí quản lý kinh doanh		219.836.058	24.009.200
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.783.269.039	1.995.452.747
31	10. Thu nhập khác	10	626.550.177	-
32	11. Chi phí khác	11	3.920.000	-
40	12. Lợi nhuận khác		622.630.177	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.405.899.216	1.995.452.747
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12	367.860.827	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.038.038.389	1.995.452.747
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	5.178	2.433

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Là Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/09/2016	đến 30/09/2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.125.780.777	35.013.217.926
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(60.241.276.437)	(34.666.900.074)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.000.000)	(20.000.000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.000.097.953)	(512.383.358)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.944.986	75.347.489
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(205.920.000)	(2.000.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(30.294.568.627)</i>	<i>(112.718.017)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		409.008.657	268.305.413
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>409.008.657</i>	<i>268.305.413</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.800.000.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		61.205.020.395	29.918.970.426
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(39.033.261.818)	(30.022.417.110)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>29.971.758.577</i>	<i>(103.446.684)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>86.198.607</i>	<i>52.140.712</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5.949.754	35.085.860
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	92.148.361	87.226.572

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



La Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, toà nhà Rainbow, khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán
- Hoạt động tư vấn đầu tư
- Hoạt động tư vấn quản lý

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

2.6 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



2.9 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.10 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.11 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.12 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.846.000	550
Tiền gửi ngân hàng	84.302.361	5.949.204
	<u><u>92.148.361</u></u>	<u><u>5.949.754</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	50.202.429.173	15.530.617.040
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(626.550.177)
	50.202.429.173	14.904.066.863

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	30/09/2016		01/01/2016	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	591.690	50.202.429.173	479.784	15.530.617.040
- Công ty Cổ phần FPT (FPT)	-	-	4	-
- Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (TCT)	5.850	317.500.538	-	-
- Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC)	15.380	196.888.960	-	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	400.000	45.479.511.095	-	-
- Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	-	-	4.500	180.512.363
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	340.230	10.561.636.732
- Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (BTS)	-	-	10.000	88.132.000
- Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	105.750	4.325.224.120
- Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (TA9)	-	-	19.300	375.111.825
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri (HVT)	1.800	42.543.720	-	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (SVI)	36.660	1.492.252.424	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam (SED)	132.000	2.673.732.436	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	(626.550.177)
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	-	(626.550.177)
		50.202.429.173		14.904.066.863

(*) Toàn bộ giá trị các khoản chứng khoán trên là tài sản đảm bảo của hợp đồng Giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 3575/2014/HDMR-SSIHN ngày 06/03/2014

5 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (*)	31.902.794.415	9.731.035.838
	31.902.794.415	9.731.035.838

(*) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (SSI) số 3575/2014/HDMM-SSIHN ngày 06/03/2014, lãi suất cho vay được SSI quy định tại từng thời điểm, hạn mức tín dụng sẽ được điều chỉnh thường xuyên căn cứ vào giá thị trường của tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do UBCKNN công bố tùy từng thời điểm, giá trị Tài sản đảm bảo được SSI đánh giá và điều chỉnh thường xuyên và các ngày giao dịch bình thường của SGDCK. Số dư đến thời điểm 30/09/2016 là 31.902.794.415 đồng

6 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả khác tiền ứng kinh doanh cá nhân ông Lê Giang Trung	46.783.088	225.783.088
	46.783.088	225.783.088

7 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015			
Tại ngày 01/01/2015	8.200.000.000	(4.321.388.298)	3.878.611.702
Tăng vốn	-	-	-
Lãi trong năm	-	1.995.452.747	1.995.452.747
Tại ngày 30/09/2015	8.200.000.000	(2.325.935.551)	5.874.064.449
Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016			
Tại ngày 01/01/2016	8.200.000.000	(3.167.428.461)	5.032.571.539
Tăng vốn	7.800.000.000	-	7.800.000.000
Lãi trong năm	-	5.038.038.389	5.038.038.389
Tại ngày 30/09/2016	16.000.000.000	1.870.609.928	17.870.609.928

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ty lệ (%)	30/09/2016 VND	Ty lệ (%)	01/01/2016 VND
Ông Lê Giang Trung	21,11%	3.378.000.000	24,39%	2.000.000.000
Ông Đào Gia Hưng	19,24%	3.078.000.000	24,39%	2.000.000.000
Bà Trần Phương Dung	13,30%	2.128.000.000	12,20%	1.000.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Đạt	12,97%	2.075.000.000	12,20%	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu	8,16%	1.305.000.000	9,76%	800.000.000
Ông Phạm Thanh Sơn	4,81%	769.000.000	6,10%	500.000.000
Ông Nguyễn Đức Khang	5,26%	841.000.000	0,01%	1.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	15,16%	2.426.000.000	10,96%	899.000.000
	100%	16.000.000.000	100%	8.200.000.000

Công ty Cổ phần Hestia

Tầng 5, tòa nhà Rainbow, khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
		VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp đầu năm		8.200.000.000	8.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		7.800.000.000	-
- Vốn góp cuối năm		16.000.000.000	8.200.000.000
d) Cổ phiếu			
		30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		1.600.000	820.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		820.000	820.000
- Cổ phiếu phổ thông		206.000	206.000
- Cổ phiếu ưu đãi		614.000	614.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		820.000	820.000
- Cổ phiếu phổ thông		206.000	206.000
- Cổ phiếu ưu đãi		614.000	614.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)		10.000	10.000
8 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
		Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
		VND	VND
Lãi tiền gửi		1.564.657	1.721.413
Lãi từ kinh doanh chứng khoán		7.442.352.978	2.435.164.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia		407.444.000	266.584.000
		7.851.361.635	2.703.470.053
9 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
		Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		VND	VND
Lãi tiền Giao dịch ký quỹ		1.000.097.953	512.383.358
Lỗ do kinh doanh chứng khoán		1.845.090.379	170.688.243
Chi phí tài chính khác		3.068.206	936.505
		2.848.256.538	684.008.106
10 . THU NHẬP KHÁC			
		Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		VND	VND
Hoàn trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán		626.550.177	-
		626.550.177	-
11 . CHI PHÍ KHÁC			
		Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		VND	VND
Phạt vi phạm hành chính		3.920.000	-
		3.920.000	-

12 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.405.899.216	1.995.452.747
Các khoản điều chỉnh tăng	3.920.000	-
- Chi phí không hợp lệ	3.920.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.570.515.083)	(1.995.452.747)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(407.444.000)	(266.584.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.163.071.083)	(1.728.868.747)
Tổng thu nhập tính thuế	1.839.304.133	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	367.860.827	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	367.860.827	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	367.860.827	-

13 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.038.038.389	1.995.452.747
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.038.038.389	1.995.452.747
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	972.903	820.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.178	2.433

14 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

15 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mối quan hệ	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả khác		
Ông Lê Giang Trung	46.783.088	66.505.599



Trần Thị Hiền
Người lập



Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Ông Lê Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016